

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 07-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Dương và ông Nguyễn Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07-3-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 19-01-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 23-02-2024 đối với:

Bị cáo: Trần Văn T, **sinh năm 1996;** Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần Phú T1 và con bà Hoàng Thị T2; Vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị tạm giữ ngày 25-10-2023 và tạm giam ngày 28-10-2023; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 2003; Trú tại: thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt.*

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn S, sinh năm 2003; Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

2. Anh Hoàng Hải S1, sinh năm 2005; Trú tại: thôn V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19-3-2021, tại quán I thuộc xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 17-10-2003 ở

thôn T, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên, rủ các bạn của mình là Hoàng Hải S1, sinh ngày 05-3-2005 ở thôn V, thị trấn K, huyện K; Phạm Văn T3, sinh ngày 30-4-2005 ở thôn Đ, xã D, huyện K đến tối cùng ngày đi sử dụng ma túy với Q, thì tất cả đều đồng ý. Q cùng với T3 và Hải S1 đến khu vực đường đôi xã M, huyện V mua của Trần Trung K, sinh năm 1999 ở thôn P, xã M, huyện V 1 chỉ ma túy “ke” (tức Ketamine). Sau đó cả 3 đi về quán Internet H1, Q nhắn tin rủ thêm Phạm Văn S, sinh ngày 01-7-2003 ở thôn Đ, xã D, huyện K cùng đi sử dụng ma túy; Hải Sơn nhắn tin rủ Phùng Văn H2, sinh ngày 12-8-2004 ở thôn T, xã A, huyện K đi sử dụng ma túy.

Khoảng 21h30’ ngày 19-3-2021, Q cùng với S, H, H2 đến quán K1-Men ở thôn P, xã M, huyện V, do anh Trần Quang T4, sinh năm 1986, HKTT: thôn P, xã M làm chủ, để hát Karaoke và sử dụng ma túy. Tại đây, nhóm của Q gặp Trần Văn T, sinh năm 1996, HKTT: Thôn T, xã T, huyện V. Do nhầm tưởng T là người quản lý quán, nên Q bảo T cho thuê 1 phòng hát và cho nhân viên nữ vào để phục vụ việc rót bia, chọn bài hát. Mặc dù, không phải là quản lý của quán K1-Men nhưng T vẫn dẫn nhóm của Q vào phòng VIP III, rồi mang âu đá vào phòng. Khi T mang âu đá vào bên trong phòng, thì Q nói với T: “*Bán cho em nửa chỉ ke và mấy viên kẹo*” (tức là Q hỏi mua của T 1 chỉ ma túy Ketamine và ma túy tổng hợp dạng viên nén) thì T đồng ý. Thuật để âu đá trong phòng hát rồi quay ra, đi vào nhà vệ sinh rồi lấy từ trong túi quần phía trước bên phải mà T đang mặc 06 viên nén màu xanh (là ma túy dạng Kẹo) và một túi nilon bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể (là ma túy dạng Ke) gói vào mảnh giấy ăn màu trắng. Khoảng 5 phút sau, T mang bọc ma túy vào phòng VIP III, đưa cho Q và nói giá tiền là 3.100.000đ. Q cầm gói ma túy cất vào túi quần phía sau bên phải, rồi đưa cho T 3.100.000đ; nhận tiền xong thì T đi ra ngoài. Q cầm gói ma túy vừa mua được của T, giờ lên nói với mọi người trong phòng là đã mua được ma túy. Sau đó, Q lấy ra 1 viên ma túy “kẹo” và sử dụng bằng hình thức nuốt vào cơ thể, rồi đưa cho Hải S1, S mỗi người 1 viên, bẻ cho nhân viên nữ là Hoàng Thị Minh H3 và H2 mỗi người ½ viên. Tất cả đều sử dụng ma túy do Q đưa.

Khoảng 22 giờ 30’ cùng ngày, Trịnh Kế H4, sinh năm 2003, HKTT: Thôn K, xã Y, huyện Y đến phòng VIP III quán K1-M để hát và sử dụng ma túy cùng nhóm của Q (do Hải S1 gọi điện rủ H4 đến). Khi H4 đến, thì Q đưa cho H4 01 viên ma túy “kẹo”, H4 dầm nhỏ viên ma túy, cho vào lon nước Cocacola để uống. Một lúc sau, H2 đứng ở trước cửa phòng VIP III, bảo Nguyễn An N là quản lý của quán X-Men cho mượn 1 chiếc đĩa sứ và 01 chiếc thẻ cứng để dầm ma túy “ke”. N cầm 1 chiếc đĩa sứ màu trắng và 1 chiếc thẻ nhựa cứng (là thẻ ATM do Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á phát hành) mang vào phòng VIP III. Q đưa cho N 02 gói ma túy loại Ketamine nhờ N “xào” hộ (tức là dầm mịn ma túy ra đĩa) để sử dụng. Nguyên đồ 1 gói ra đĩa, dùng bật lửa hơi nóng phía dưới đĩa, dùng thẻ ATM dầm ma túy tơi thành bột mịn. Dầm xong, N để đĩa ma túy, chiếc bật lửa và gói ma túy còn lại trên mặt chiếc loa ở góc phòng rồi quay ra quây lể tân. Q cầm đĩa ma túy, dùng thẻ ATM kẻ 1 phần ma túy thành hai đường chỉ rồi dùng ống hút (được cuộn bằng 01 tờ tiền polime

mệnh giá 20.000đ), đưa vào mũi hít hết phần ma túy đã kẻ. Sau đó, tiếp tục kẻ thêm 2 đường cho H3 sử dụng. Tiếp đến là Hải S1, S, H4, H2 cũng đều sử dụng ma túy “ke”.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T3 đến phòng VIP III quán K1-M để hát và sử dụng ma túy cùng với nhóm của Q và được Q đưa cho một viên ma túy “keo”, T3 bẻ ½ viên dầm nhỏ và pha vào lon nước Cocacola rồi uống, còn ½ viên T3 để trên mặt bàn (không biết có ai sử dụng không). Sau đó, T3 cũng tự sử dụng ma túy “ke” ở trên đĩa. Lúc này, Q gọi điện rủ Bùi Thanh S2, sinh ngày 02-6-2001, HKTT: thôn Đ, xã D, huyện K đến quán K1-Men sử dụng ma túy, S2 đồng ý. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 20-3-2021, N tiếp tục vào phòng VIP III dầm nốt gói ma túy còn lại cho nhóm của Q sử dụng. Đến khoảng 01 giờ ngày 20-3-2021, Bùi Thanh S2 đến quán K1-M và cùng với nhân viên nữ của quán là Nguyễn Thị H5 vào phòng VIP III ngồi hát với nhóm của Q. Khoảng 15 phút sau, H5 được một người trong nhóm của Q (không rõ là ai) đưa cho 01 viên ma túy “keo” để H5 và Thanh S2 sử dụng nhưng H5 và S2 không sử dụng. Khoảng 20 phút sau, H2 có biểu hiện bị sốc ma túy nên sang phòng VIP II nằm nghỉ. Đến khoảng 03 giờ ngày 20/3/2021 thì H2 bất tỉnh, được N và Hải S1 đưa đến Trung tâm y tế huyện V để cấp cứu nhưng đã tử vong ngoại viện. Trung tâm y tế huyện V đã thông báo đến CQCSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi H2 được đưa đi cấp cứu, các nhân viên nữ của quán K1-Men Hoàng Thị Minh H3 và Bàn Thị H6 đã lau dọn phòng VIP III, H6 rửa chiếc đĩa và chiếc thẻ cứng, rồi cất tại quầy lễ tân.

Kết quả kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của các đối tượng liên quan xác định: Hoàng Hải S1, Nguyễn Hoàng Q, Phạm Văn T3, Bùi Thanh S2, Trịnh Kế H4, Hoàng Thị Minh H3, Nguyễn Thị H5 (Nguyễn Thị P) đều cho kết quả dương tính với các loại ma túy là METHAPHETAMIN và AMPHETAMIN, MDMA; Nguyễn An N, Bàn Thị H6 âm tính với ma túy.

Đối với Nguyễn Hoàng Q, Hoàng Hải S1 và Nguyễn An N, ngày 20-7-2022 đã bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Còn Trần Trung K vẫn đang bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiếp tục truy nã, điều tra xử lý sau.

Trần Văn T bỏ trốn khỏi địa phương và bị CQCSĐT Công an huyện V ra quyết định truy nã. Đến ngày 25-10-2023, T đến CQCSĐT Công an huyện V đầu thú và khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hoàng Q vào đêm ngày 19-3-2021 tại quán K2 như nêu ở trên.

Cáo trạng số: 25/CT-VKSVG ngày 19-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, diễn biến động cơ, mục đích và hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù, tính từ ngày tạm giữ tạm giam 25-10-2023. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp, căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu để sung vào ngân sách nhà nước của Trần Văn T số tiền là 3.100.000đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ và họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhân tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ như: Biên bản vụ việc; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; bản tường trình và lời khai của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 19-3-2021, tại phòng V, quán K2 ở thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Trần Văn T đã bán trái phép ½ chỉ ma túy dạng Ke và 06 viên nén ma túy tổng hợp cho Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 2003, HKTT: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên, với giá 3.100.000đ, để Q cùng Hoàng Hải S1, Nguyễn An N tổ chức cho Phùng Văn H2 và nhiều đối tượng khác sử

dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện và đã xử lý. Riêng T bỏ trốn, đến ngày 25-10-2023 T ra đầu thú.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, hiểu được tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm nhức nhối của toàn xã hội nhưng vì lợi nhuận, bị cáo cố ý thực hiện hành vi bán ma túy để kiếm lời nên bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi bị truy nã, T đã tự ra đầu thú; Ông nội bị cáo T là Liệt sỹ. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên thấy cần thiết phải cho cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Số tiền 3.100.000đ, T có được do T đã bán ma túy cho Nguyễn Hoàng Q, xác định đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu của Trần Văn T, số tiền là 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về án phí: Trần Văn T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Trần Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Trần Văn T 02 (*hai*) năm 09 (*chín*) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25-10-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của Trần Văn T, số tiền là 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Trần Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07-3-2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

Phạm Văn Huấn